

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGỌC TỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU TỔNG HỢP DIỆN CUNG ỨNG DVMTR SAU SÁP NHẬP VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2026
(Áp dụng cho diện tích rừng do UBND cấp xã quản lý bảo vệ)
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND, ngày tháng năm 2025 của UBND xã Ngọc Tự)

STT	Đơn vị hành chính (xã/phường)	Vị trí khu rừng			Diện tích (ha)	Trạng thái rừng ¹	Nguồn gốc hình thành rừng ²	Mục đích sử dụng ³	Diện tích quy đổi (ha) ⁴
		Tiểu khu	Khoảnh	Lô					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	UBND xã Ngọc Tự	285	12	3	1,30	TNK	Rừng tự nhiên	RSX	
2	UBND xã Ngọc Tự	284	11	20	1,27	RTG	Rừng trồng	RSX	
3	UBND xã Ngọc Tự	285	13	3	1,95	RTG	Rừng trồng	RSX	
4	UBND xã Ngọc Tự	285	12	5	0,93	RTG	Rừng trồng	RSX	
5	UBND xã Ngọc Tự	285	11	3	0,88	TNK	Rừng tự nhiên	RSX	
Tổng cộng					6,33				

¹ Trạng thái rừng: cột này ghi trạng thái rừng, gồm: "TXP", "TXB", "RTG", "TNK",.....

² Nguồn gốc hình thành rừng: cột này ghi nguồn gốc rừng, gồm: "Rừng tự nhiên", "Rừng trồng".

³ Mục đích sử dụng: cột này ghi mục đích, gồm: "RPH", "RDD", "RSX".

⁴ Áp dụng hệ số K:

- Hệ số K2 (điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mục đích sử dụng rừng) và Hệ số K3 (điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo nguồn gốc hình thành rừng) áp dụng theo quy định tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Hệ số K1 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo trữ lượng rừng áp dụng bằng: 1 cho các loại trữ lượng rừng.

- Hệ số K4 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mức độ khó khăn được quy định đối với diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng nằm trên địa bàn các xã khu vực I, II, III theo quy định của Thủ tướng Chính phủ áp dụng bằng: 1 cho các xã khu vực I, II, III.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGỌC TỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU TỔNG HỢP DIỆN TÍCH RỪNG CUNG ỨNG DVMTR SAU SÁP NHẬP VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2026
CỦA CHỦ RỪNG LÀ HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN VÀ CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ THÔN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGỌC TỰ**
(Áp dụng cho diện tích rừng do chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn quản lý bảo vệ)
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND, ngày tháng năm 2025 của UBND xã Ngọc Tự)

TT	Tên hộ gia đình, cá nhân/Cộng đồng dân cư thôn	Vị trí khu rừng			Diện tích (ha)	Trạng thái rừng ⁽⁵⁾	Nguồn gốc hình thành rừng ⁽⁶⁾	Mục đích sử dụng ⁽⁷⁾	Diện tích quy đổi (ha) ⁸
		Tiểu khu	Khoảnh	Lô					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Tên hộ gia đình, cá nhân								
	Không								
	Cộng								
II	Tên cộng đồng dân cư thôn								
	Cộng đồng thôn Đắk Kon	283	4	13	0,78	TXP	Rừng tự nhiên	RSX	
	Cộng đồng thôn Đắk Tăng	284	11	1	0,87	TNK	Rừng tự nhiên	RSX	
	Cộng đồng thôn Đắk Tăng	285	13	1	0,71	TNK	Rừng tự nhiên	RSX	
Cộng					2,36				
Tổng cộng (I+II)									

⁵ Trạng thái rừng: cột này ghi trạng thái rừng, gồm: "TXP", "TXB", "RTG", "TNK",.....
⁶ Nguồn gốc hình thành rừng: cột này ghi nguồn gốc rừng, gồm: "Rừng tự nhiên", "Rừng trồng".
⁷ Mục đích sử dụng: cột này ghi mục đích, gồm: "RPH", "RDD", "RSX".
⁸ Áp dụng hệ số K:
- Hệ số K2 (điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mục đích sử dụng rừng) và Hệ số K3 (điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo nguồn gốc hình thành rừng) áp dụng theo quy định tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
- Hệ số K1 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo trữ lượng rừng áp dụng bằng: 1 cho các loại trữ lượng rừng.
- Hệ số K4 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mức độ khó khăn được quy định đối với diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng nằm trên địa bàn các xã khu vực I, II, III theo quy định của Thủ tướng Chính phủ áp dụng bằng: 1 cho các xã khu vực I, II, III.

